

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06 tháng 9 năm 2017

*“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Gat

2. Bà Trần Thị Thúy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc: *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Châu Lưu N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 77 đường N, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Huyền M**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 66/3 đường H, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2011, bản tự khai ngày 14/04/2011 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Châu Lưu N trình bày:

Anh và chị Phạm Huyền M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 22/10/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại 77 đường N, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, từ năm 2012 đến năm 2014 anh chị chung sống bình thường đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ

chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong công việc anh thường hay về khuya, ít chăm lo cho gia đình, con cái, tiền bạc không ổn định dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại, trong lúc cãi vã anh chị thường xảy ra xô xát, ảnh hưởng đến tới hai bên gia đình. Chị Phạm Huyền M đã chuyển về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2015 đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị Phạm Huyền M không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Phạm Huyền M có 02 (Hai) con chung là Châu Nguyên N, sinh ngày 28/4/2013 và Châu Nguyên K, sinh ngày 17/8/2015. Các cháu hiện đang sống với anh. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Bản thân anh có khả năng về kinh tế để nuôi con chung là Châu Nguyên N và Châu Nguyên K nên anh không yêu cầu chị Phạm Huyền M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Phạm Huyền M không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phạm Huyền M:

Chị Phạm Huyền M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để chị M trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung của anh Châu Lưu N nhưng chị Phạm Huyền M không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Nguyên đơn anh Châu Lưu N chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn chị Phạm Huyền M, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Lưu N về yêu cầu ly hôn với chị Phạm Huyền M. Giao 02 con chung là Châu Nguyên N và Châu Nguyên K cho anh Châu Lưu N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Châu Lưu N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Châu Lưu N và chị Phạm Huyền M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 22/10/2012. Hôn nhân của anh N và chị M tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng anh Châu Lưu N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Huyền M đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn chị Phạm Huyền M cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phạm Huyền M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để chị M trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Châu Lưu N, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ và hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị M vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 15/5/2017 và 17/5/2017 thể hiện giữa anh Châu Lưu N và chị Phạm Huyền M có xảy ra cãi vã và hiện chị M đã chuyển về nhà cha mẹ để sinh sống.

Biên bản xác minh này phù hợp với lời khai của anh Châu Lưu N: Anh chị chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do tính chất công việc anh không có điều kiện thường xuyên quan tâm đến gia đình, kinh tế không ổn định dẫn đến anh chị xảy ra xích mích, cãi vã nhiều lần xô xát ảnh hưởng đến họ hàng hai bên. Hiện chị M đã chuyển về nhà cha mẹ để sinh sống và anh chị sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Bên cạnh đó chị M đã thống nhất việc thuận tình ly hôn thể hiện bằng việc chị xác nhận vào đơn khởi kiện “V/v giải quyết ly hôn” ngày 11/4/2017 mà anh là người khởi kiện tuy nhiên chị không tham gia tố tụng tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh Châu Lưu N và chị Phạm Huyền M phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Lưu N, xử cho anh N được ly hôn với chị Phạm Huyền M.

Về con chung: Anh Châu Lưu N và chị Phạm Huyền M có 02 (Hai) con chung là Châu Nguyên N, sinh ngày 28/4/2013 và Châu Nguyên K, sinh ngày 17/8/2015.

Anh Châu Lưu N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Các cháu Châu Nguyên N và Châu Nguyên K đều còn nhỏ trong đó cháu Châu Nguyên K chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên từ cuối năm 2015 đến nay, anh Châu Lưu N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, các cháu đang sống và sinh hoạt ổn định tại nơi anh Châu Lưu N cư trú là 77 đường N, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong đơn khởi kiện “V/v giải quyết ly hôn” thể hiện nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung và chị Phạm Huyền M cũng xác nhận vào đơn trên. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Phạm Huyền M không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản nào khác thể hiện nguyện vọng muốn chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Như vậy hoàn toàn có căn cứ nhận định chị Phạm Huyền M vẫn duy trì ý chí giao 02 con chung là cháu Châu Nguyên N và Châu Nguyên K cho anh Châu Lưu N chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc giao cháu Châu Nguyên N và Châu Nguyên K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là chính đáng cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Châu Lưu N đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Châu Nguyên N và Châu Nguyên K nên không yêu cầu chị Phạm Huyền M cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Châu Lưu N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Anh Châu Lưu N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Châu Lưu N

Anh Châu Lưu N được ly hôn với chị Phạm Huyền M.

2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Châu Nguyên N, sinh ngày 28/4/2013 và Châu Nguyên K, sinh ngày 17/8/2015 cho anh Châu Lưu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Châu Lưu N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0003104 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn anh Châu Lưu N được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn chị Phạm Huyền M vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 131 - quyền số 02/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy